VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM VẬT LIỆU HỮU CƠ & HÓA PHẨM XÂY DỰNG
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM) - MINISTRY OF CONSTRUCTION (MOC)
CENTRE FOR ORGANIC MATERIALS &CONSTRUCTION CHEMICALS (COMCC)
Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel): 024.38582912; Fax: 024.38581112; Website: http://vibm.vn/; E-mail: ttvlhc@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

XD LAS 1133

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *(TEST REPORT)*

Số *(No)*: ...899..../VLXD-VLHC

1. Cơ quan gửi mẫu *(Client)*: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP PHÚ SƠN
2. Loại mẫu (*Kind of sample*): **Tấm lợp PU5S/2S**
3. Số lượng *(Quantities)*: 01
4. Số phiếu *(No.)*: 829/KHTN
5. Ngày nhận mẫu *(Date of received)*: 19/3/2024
6. Ngày thử nghiệm *(Testing date)*: 26/3/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST RESULT)

TT *(No)*	Tên chỉ tiêu *(Properties)*	Đơn vị *(Units)*	Kết quả *(Results)*	Phương pháp thử *(Test method)(*)*
1	**Thử nghiệm khả năng bắt cháy** *(Ignitability test)*			ISO 5657:1997
	+ Thông lượng nhiệt thử bắt cháy *Ignition Flux*	kW/m^2	**35**	
	+ Thời gian xảy ra bắt cháy *Ignition occurs time*	s	**0**	
	+ Quan sát *Observations*	-	**Không bắt cháy**	

(*) Điều kiện ổn định mẫu trước khi thử nghiệm: nhiệt độ: (23 ± 2)°C, độ ẩm (50± 5) %; thời gian ổn định:48 h. Thời gian thử bắt cháy: 15 phút (chi tiết kết quả thử nghiệm xem trang sau)

Kết luận (Conclusion): *Kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm thỏa mãn phân loại vật liệu thuộc nhóm vật liệu khó bắt cháy (BC1) theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình QCVN 06:2022/BXD và Sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD*

Lưu ý (Note): *Các kết quả thử nghiệm chỉ thể hiện ứng xử của các mẫu thử cho một sản phẩm dưới các điều kiện cụ thể được quy định trong phép thử. Không được sử dụng kết quả đó làm tiêu chí duy nhất để đánh giá mối nguy hiểm cháy tiềm ẩn của sản phẩm khi được sử dụng trong thực tế*

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
VIBM

PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Văn Huynh

Cán bộ thử nghiệm *(Test by)*: ***Thắng, Dũng***
PTN LAS-XD 1133 - TT VLHC & HPXD
LAS-XD 1133 - COMCC

Trịnh Thị Hằng

Ghi chú *(Note)*:
- Các chỉ tiêu và phương pháp thử được thử theo yêu cầu của khách hàng. *(Characteristics and methods were tested according to client's request).*
- Mẫu do khách hàng mang đến Viện Vật liệu xây dựng. Tên mẫu, tên cơ quan gửi mẫu và công trình sử dụng được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng. *(Sample were sent to VIBM. Name of sample, client and works are reported client's request).*
- Không được sao chép từng phần (được sao chép toàn bộ) phiếu kết quả này khi chưa được sự đồng ý của Viện Vật liệu xây dựng. *(This test report not be reproduced, except in full).*

VIỆN VẬT LIỆU XÂY DỰNG - BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM VẬT LIỆU HỮU CƠ & HÓA PHẨM XÂY DỰNG
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING MATERIALS (VIBM) - MINISTRY OF CONSTRUCTION (MOC)
CENTRE FOR ORGANIC MATERIALS &CONSTRUCTION CHEMICALS (COMCC)
Địa chỉ (Address): 235 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Điện thoại (Tel): 024.38582912; Fax: 024.38581112; Website: http://vibm.vn/; E-mail: ttvlhc@gmail.com

ISO/IEC 17025:2017

XD LAS 1133

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM *(TEST REPORT)*

Số *(No)*: ..899...../VLXD- VLHC

+ Điều kiện ổn định mẫu thử trước khi thử nghiệm: Nhiệt độ (23 ± 2) °C, độ ẩm (50 ± 5) %, ổn định: 48h

+ Mẫu thử kích thước: 165 x 165 mm.

+ Mô tả vật liệu: Mẫu vật liệu dạng tấm phẳng 2 mặt tôn, 1 mặt tôn dày (0.45±0.04) mm, 1 mặt tôn dày (0.22± 0.04) mm, lớp PU dày (20±2) mm tỷ trọng (32± 2) kg/m^3

Bảng 1: Kết quả thử nghiệm

Mẫu thử	Thời gian bắt cháy trên bề mặt ở các thông lượng nhiệt bức xạ qui định, giây				
	10 kW/m^2	20 kW/m^2	35 kW/m^2	40 kW/m^2	50 kW/m^2
Mẫu 1	KTN	KTN	0	KTN	KTN
Mẫu 2	KTN	KTN	0	KTN	KTN
Mẫu 3	KTN	KTN	0	KTN	KTN
Mẫu 4	KTN	KTN	0	KTN	KTN
Mẫu 5	KTN	KTN	0	KTN	KTN
Trung Bình			0		

Quan sát trong quá trình thử nghiệm: Mẫu thử ở bức xạ 35 kW/m^2 không có dấu hiệu bắt cháy bề mặt

Ghi chú: KTN: không thử nghiệm.

Bảng 2: Nhóm vật liệu cháy theo tính bắt cháy (Bảng B.2 của QCVN 06:2022/BXD)

Nhóm bắt cháy của vật liệu	Cường độ thông lượng nhiệt bề mặt tới hạn, kW/m^2
BC1 – Khó bắt cháy	≥ 35
BC2 – Bắt cháy vừa phải	≥ 20 và < 35
BC3 – Dễ bắt cháy	< 20

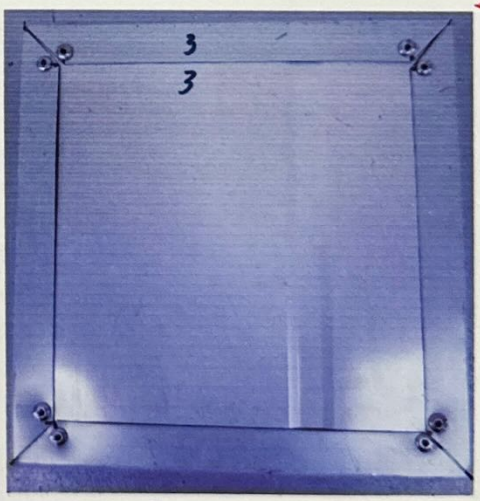

Hình ảnh mẫu do khách hàng cung cấp

Ghi chú (Note):

- Các chỉ tiêu và phương pháp thử được thử theo yêu cầu của khách hàng. *(Characteristics and methods were tested according to client's request).*
- Mẫu do khách hàng mang đến Viện Vật liệu xây dựng. Tên mẫu, tên cơ quan gửi mẫu và công trình sử dụng được báo cáo theo yêu cầu của khách hàng. *(Sample were sent to VIBM. Name of sample, client and works are reported client's request).*
- Không được sao chép từng phần (được sao chép toàn bộ) phiếu kết quả này khi chưa được sự đồng ý của Viện Vật liệu xây dựng. *(This test report not be reproduced, except in full).*